

Số: 10946/KL-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2017

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra việc quản lý và sử dụng đất đối với
Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai

Ngày 09/5/2017, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1495/QĐ-UBND về việc thanh tra việc quản lý và sử dụng đất đối với Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 118/BC-ĐTT ngày 16/8/2017 và Công văn số 145/ĐTT ngày 05/10/2017 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Quá trình hình thành

Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai (viết tắt là Khu Bảo tồn) được thành lập từ năm 2010 theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 28/8/2010 của UBND tỉnh (trước đây là Khu Dự trữ thiên nhiên Vĩnh Cửu được thành lập năm 2003).

Khu Bảo tồn được hình thành trên cơ sở sáp nhập từ 05 đơn vị được giao quản lý diện tích rừng, đất lâm nghiệp và đất ngập nước nội địa hồ Trị An trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu gồm các Lâm trường Mã Đà, Hiếu Liêm, Vĩnh An, Trung tâm Quản lý Di tích Chiến khu Đ và Trung tâm Thủy sản Đồng Nai theo các quyết định của UBND tỉnh.

Các Lâm trường bàn giao cho Khu Bảo tồn theo nguyên tắc nguyên canh, nguyên cư gồm diện tích rừng và đất rừng. Sau khi thành lập, trên cơ sở kết quả kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp năm 1999 của các Lâm trường, Khu Bảo tồn đã kiểm kê diện tích rừng và đất sản xuất để hoàn thiện hồ sơ quản lý và chính thức ký biên bản nhận bàn giao đất từ các lâm trường vào tháng 6/2006. Đến năm 2016, Khu Bảo tồn tiếp tục thực hiện công tác kiểm kê rừng và được UBND tỉnh phê duyệt kết quả tại Quyết định số 4189/QĐ-UBND ngày 08/12/2016.

Khu Bảo tồn đã thành lập và giao cho các Trạm Kiểm lâm trực thuộc quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Các phòng chuyên môn xây dựng, cập nhật hồ sơ, bản đồ quản lý đất đai; theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp hàng năm trên địa bàn quản lý.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

Khu Bảo tồn là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc UBND tỉnh; về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khu Bảo tồn được quy định tại Quyết định số 65/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Khu Bảo tồn gồm có Ban Giám đốc 04 người (01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc); 04

phòng chuyên môn (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kỹ thuật lâm sinh và Đất đai, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Bảo tồn thiên nhiên và Hợp tác) và 02 đơn vị trực thuộc (Trung tâm Sinh thái - Văn hóa - Lịch sử Chiến khu Đ và Hạt Kiểm lâm).

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. NGUỒN GỐC ĐẤT

Diện tích đất hiện nay Khu Bảo tồn đang quản lý, sử dụng là 100.601,0 ha có nguồn gốc sáp nhập từ các Lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà, Vĩnh An và Trung tâm Thủy sản Đồng Nai tại các quyết định của UBND tỉnh.

II. QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT

1. Về biến động đất đai, phân loại đất

1.1. Giai đoạn từ 2004-2009

a) Về biến động diện tích đất đai

- Diện tích đất UBND tỉnh giao cho Khu Bảo tồn theo các quyết định là 68.371 ha (trong đó năm 2006 tiếp nhận từ các Lâm trường: Hiếu Liêm là 20.564 ha, Mã Đà là 27.498, Vĩnh An là 13.666 ha; năm 2008 tiếp nhận từ Lâm trường Vĩnh An là 6.643 ha).

- Diện tích đất các Lâm trường bàn giao cho Khu Bảo tồn theo kết quả đo đạc là 68.236 ha, gồm: Lâm trường Hiếu Liêm là 20.564 ha; Lâm trường Mã Đà là 27.497 ha, Lâm trường Vĩnh An 02 lần bàn giao với tổng diện tích 20.175 ha. Diện tích chênh lệch giữa diện tích bàn giao thực tế so với diện tích theo quyết định giao đất của UBND tỉnh là 135 ha. Nguyên nhân giảm diện tích là do sai lệch đo đạc, sai lệch dòng chảy của các nhánh suối, tuyến đường.

- Diện tích đất theo Quyết định số 4505/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn Khu Bảo tồn 67.903,3 ha, chênh lệch giảm 332,7 ha so với diện tích thực tế nhận bàn giao từ các Lâm trường trước đây. Nguyên nhân giảm diện tích là do diện tích đất thuộc Nhà máy thủy điện Trị An và khu dân cư Nhà máy thủy điện Trị An không đưa vào quy hoạch theo Văn bản số 1857/SNNPTNT, ngày 16/10/2008 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Phân theo loại đất

Tổng diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý, sử dụng 67.903,3 ha, trong đó: Đất rừng 56.997,2 ha; đất sản xuất nông nghiệp 4.054,7 ha; đất khác 6.851,4ha.

1.2. Giai đoạn từ năm 2009 - 2015

a) Về biến động đất đai

Theo Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả kiểm kê, thống kê rừng năm 2011 của Khu Bảo tồn, tổng diện tích đất quản lý, sử dụng là 100.759,2 ha. Hồ sơ Khu Bảo tồn bàn giao cho UBND các xã Hiếu Liêm và Mã Đà, thể hiện:

- Diện tích đất thực tế bàn giao cho UBND xã Hiếu Liêm 2.110,31ha/2.404,53 ha, biến động giảm 294,22 ha so với Quyết định thu hồi đất số 4682/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND tỉnh (vì có 25,27 ha thuộc phạm vi địa giới hành chính xã Mã Đà, có 243,27 ha thuộc phạm vi địa giới hành chính thị

trần Vĩnh An và có 25,68 ha đất do Công ty thủy điện Trị An đang sử dụng đã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Diện tích đất thực tế bàn giao cho UBND xã Mã Đà là 946,67ha/1.089,68 ha, biến động giảm 143,01 ha so với Quyết định thu hồi đất số 31/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 của UBND tỉnh (vì có 97,31 ha dưới code 62 Hồ Trị An và 45,7ha do sai số đo đạc).

Sau khi hoàn thành thủ tục bàn giao đất, UBND huyện Vĩnh Cửu, UBND xã Hiếu Liêm, Mã Đà và Khu Bảo tồn không báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý phần diện tích 437,23 ha chênh lệch giảm giữa diện tích thực tế bàn giao so với quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh.

b) Phân theo loại đất

Tổng diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý, sử dụng 100.759,2ha, gồm:

- Diện tích thuộc vùng lõi Khu Bảo tồn: 100.303,8 ha (trong đó đất lâm nghiệp 67.903,8 ha; đất ngập nước nội địa hồ Trị An là 32.400,0 ha).

- Diện tích 455,4 ha, hiện nay Khu Bảo tồn đang sử dụng nằm trong diện tích đã bàn giao cho UBND các xã Phú Lý, Mã Đà và thị trấn Vĩnh An.

1.3. Giai đoạn 2016 - 2017

a) Về biến động đất đai

Theo Quyết định số 4189/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả kiểm kê rừng, tổng diện tích đất Khu Bảo tồn đang quản lý là 100.601,0 ha, biến động giảm 158,0 ha so với kết quả kiểm kê rừng năm 2011, nguyên nhân là do phương pháp kiểm kê, đo đạc giữa hai lần khác nhau.

b) Phân theo loại đất:

Tổng diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý, sử dụng 100.601,0 ha, gồm:

- Diện tích thuộc vùng lõi Khu Bảo tồn: 100.145,6 ha (trong đó gồm đất lâm nghiệp 67.625,7 ha; đất ngập nước nội địa hồ Trị An 32.519,9 ha).

- Diện tích 455,4 ha, Khu Bảo tồn sử dụng nằm trong diện tích đã bàn giao cho UBND các xã Phú Lý, Mã Đà và thị trấn Vĩnh An.

2. Về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

2.1. Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Khu bảo tồn

Tổng diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý, sử dụng 100.601,0 ha, trong đó đất lâm nghiệp thuộc đối tượng cần rà soát để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết là GCNQSDĐ) 68.081,1 ha; đất ngập nước nội địa Hồ Trị An 32.519,9 ha (gồm cả 100,5 ha trên code 62 thuộc 74 đảo).

Trong diện tích đất lâm nghiệp thuộc đối tượng cần rà soát để cấp GCNQSDĐ cho Khu Bảo tồn, gồm:

- Diện tích 62.364,95 ha đất đã được cấp GCNQSDĐ theo các quyết định của UBND tỉnh, thuộc địa giới hành chính các xã: Phú Lý là 20.041,62 ha; Mã Đà là 24.490,95 ha; Hiếu Liêm là 17.524,53 ha; Đắc Lua là 307,85 ha.

- Diện tích chưa cấp GCNQSDĐ là 5.716,15 ha, gồm:

+ Diện tích 48,13 ha đất đã có quyết định công nhận kết quả rà soát của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường đang làm thủ tục cấp GCNQSDĐ.

+ Diện tích 5.225,89 ha đất đã có quyết định công nhận kết quả rà soát của UBND tỉnh, nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Đến ngày 14/3/2016, Khu Bảo tồn đã có Văn bản số 112/KBTTNVHĐN đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp bổ sung GCNQSDĐ (Bảng kê số 01 kèm theo).

+ Diện tích 442,13 ha đất Khu Bảo tồn đang rà soát hiện trạng sử dụng.

2.2. Đối với diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý nhưng UBND huyện Vĩnh Cửu cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân

Ngày 29/7/2013, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Văn bản số 6066/UBND-CNN về việc giao UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện thu hồi 20 GCNQĐĐ do cấp trái quy định pháp luật trên phần diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý (thuộc địa giới hành chính xã Phú Lý). Ngoài ra, Đoàn Thanh tra của tỉnh đã phát hiện và có Công văn số 107/ĐTT yêu cầu UBND huyện Vĩnh Cửu báo cáo thêm về 03 trường hợp đã cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân trên phần diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý (thuộc địa giới hành chính thị trấn Vĩnh An). Đến năm 2017, UBND huyện Vĩnh Cửu đã ban hành quyết định thu hồi 20 GCNQSDĐ theo chỉ đạo của UBND tỉnh; còn 03 trường hợp đã cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân trên phần diện tích thuộc địa giới hành chính thị trấn Vĩnh An, UBND huyện Vĩnh Cửu chưa xử lý thu hồi (Bảng kê số 02 kèm theo).

3. Về giao khoán đất cho các hộ gia đình, cá nhân

3.1. Số liệu tổng hợp

Tổng số hợp đồng giao khoán đối với các hộ, do các Lâm trường trước đây và Khu Bảo tồn đang quản lý là 3.107 hợp đồng với 2.393 hộ gia đình, diện tích 5.158,1ha, trong đó:

- Khu Bảo tồn quản lý 2.214 hợp đồng, tương ứng với 1.702 hộ nhận giao khoán, diện tích 4.098,9 ha (Trong đó Khu Bảo tồn đã thanh lý và huỷ bỏ 91 hợp đồng với 87 hộ, diện tích 178,1 ha).

- Khu Bảo tồn đã bàn giao về cho UBND xã Mã Đà và UBND xã Hiếu Liêm là 893 hợp đồng tương ứng với 808 hộ, diện tích 1.059,2 ha.

3.2. Kết quả kiểm tra

a) Các trường hợp xây dựng công trình và nhà trên đất giao khoán

Hiện nay trên phần diện tích đất Khu Bảo tồn đang quản lý có 1.513 căn nhà (gồm có 221 nhà xây và 1.292 nhà tạm). Trong 221 căn nhà xây có 90 căn nhà kiên cố, 131 căn nhà bán kiên cố. Khu Bảo tồn đã phối hợp với địa phương kiểm tra, lập biên bản đối với 75 trường hợp, trong đó có 22 trường hợp có cam kết khi di dời sẽ không nhận tiền bồi thường.

Có 04 trường hợp xây dựng công trình chuồng, trại, nhà xưởng trái phép (Bảng kê số 03 kèm theo) và 26 trường hợp xây dựng nhà trên đất giao khoán (Bảng kê số 04 kèm theo), theo đó xác định trách nhiệm để xảy ra các sai phạm nêu trên là do:

- Đối với các trường hợp xây dựng công trình chuồng, trại, nhà xưởng:

+ Về trách nhiệm của bên nhận khoán: Các hộ gia đình đã tự ý xây dựng chuồng trại chăn nuôi và chế biến tinh bột mì trên đất giao khoán là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên nhận khoán, vi phạm pháp luật về môi trường và đã bị cơ quan chức năng buộc ngưng hoạt động. Đến nay, các hộ đã ngưng hoạt động và

tự tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép trên đất giao khoán (riêng trường hợp Cơ sở sản xuất mì Duy Thanh đang chờ giới thiệu địa điểm mới để di dời).

+ Về trách nhiệm của bên giao khoán: Không thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm của bên giao khoán; mặc dù các trường hợp xây dựng trái phép đã được Khu Bảo tồn kiểm tra, lập biên bản và quyết định hủy bỏ hợp đồng, có báo cáo và đề nghị các cơ quan chức năng hỗ trợ, nhưng đến nay chưa xử lý dứt điểm.

- Đối với các trường hợp xây dựng nhà trên đất giao khoán:

Trong hồ sơ bàn giao đất từ các Lâm trường cho Khu Bảo tồn không đề cập đến việc xây dựng nhà trên đất giao khoán, do đó không xác định được thời điểm xây dựng nhà của từng trường hợp cụ thể. Riêng trong năm 2017 phát sinh 02 trường hợp xây nhà trên diện tích đất giao khoán, Khu Bảo tồn đã có các biện pháp xử lý buộc 01 hộ tự tháo dỡ, còn lại 01 hộ xây dựng nhà tiền chế đang tiếp tục xử lý.

Để xảy ra tình trạng xây dựng nhà trên đất giao khoán là do một số nguyên nhân và trách nhiệm như sau:

- Do hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc xây dựng nhà ở trên đất lâm nghiệp còn nhiều chồng chéo, bất cập, gây khó khăn trong công tác quản lý, cụ thể:

+ Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 và tại Điểm d, Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh quy định bên nhận khoán được làm lán trại để bảo vệ sản xuất, cất giữ dụng cụ, vật tư sản xuất; được làm sân phơi, đào giếng nước, xây bể chứa nước, kênh dẫn nước, cống cấp thoát nước, hồ ủ phân, chuồng nuôi gia súc, gia cầm theo quy định của bên giao khoán.

+ Tại Mục 2, Phần I, Thông tư số 10-TT/LB ngày 11/12/1996 của liên bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 556/TTg ngày 12/9/1995 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh bổ sung Quyết định số 327/CT ngày 15/9/1992 quy định: Các dự án thuộc chương trình 327, chủ yếu phải thực hiện phương thức Lâm Nông kết hợp, giao đất khoán rừng cho hộ gia đình. Tuỳ khả năng quỹ đất ở mỗi dự án mà giao cho hộ một diện tích thoả đáng, phải xác định rõ cơ cấu đất và rừng, khi giao cho từng hộ. Việc giao đất, khoán rừng tiến hành cùng một lúc và được giao lâu dài, trong đó bao gồm: Diện tích rừng bảo vệ; diện tích để tạo rừng phòng hộ; diện tích đất nông nghiệp để trồng cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày khoảng 1-2 ha/hộ; đất ở và vườn hộ khoảng 0,5 ha/hộ.

+ Tại Điều 21 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ cho phép bên nhận khoán được sử dụng một phần đất nhận khoán không quá 200 m² làm nhà ở để trồng nom khu rừng nhận khoán, nhưng phải được bên giao khoán thỏa thuận bằng văn bản và phải đăng ký với Ủy ban nhân dân xã sở tại.

+ Theo quy định tại Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành

viên nông, lâm nghiệp nhà nước, không cho phép bên nhận khoán được xây dựng các công trình trên đất giao khoán.

- Do trước đây các Lâm trường chỉ tập trung chủ yếu vào việc khai thác kinh doanh rừng, chưa chú trọng đến việc quản lý đất đai, do vậy việc quản lý xây dựng nhà ở và các công trình trên đất cũng ít được quan tâm. Ngoài ra do nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nên các hộ đều tự làm nhà ở trên đất canh tác nông, lâm nghiệp và phần lớn nhà được xây dựng trước khi các Lâm trường lập hợp đồng giao khoán theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ. Sau khi Khu Bảo tồn thành lập, việc quản lý đất lâm nghiệp được tổ chức chặt chẽ hơn, nhưng vẫn còn xảy ra tình trạng một số hộ tự làm nhà tạm, sau đó cải tạo dần theo hướng kiên cố hơn. Khi phát hiện, Khu Bảo tồn đã lập các biên bản đình chỉ thi công, nhưng chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời và hiệu quả.

b) Các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích

Có 09 trường hợp trồng cây cao su và cây điều trên đất giao khoán (*Bảng kê số 05 kèm theo*). Trong các trường hợp sử dụng đất sai mục đích nêu trên có: 03 trường hợp tự ý chuyển nhượng hợp đồng khoán bảo vệ rừng, diện tích đất giao trồng cây nông nghiệp; 01 trường hợp diện tích 4,9 ha tại vị trí khoảnh 5, tiểu khu 59, diện tích này do Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh An trước đây giao cho ông Nguyễn Văn Đông trồng cây nông nghiệp nhưng đã được UBND huyện Vĩnh Cửu cấp GCNQSDĐ; 02 trường hợp số liệu về diện tích giữa các lần kiểm kê so với hợp đồng giao khoán không trùng khớp nhau (*diện tích ông Võ Hữu tăng 5,5 ha, diện tích ông Nguyễn Thành Châu giảm 6,1 ha so với hợp đồng giao khoán*) và 01 hợp đồng khoán không có chữ ký của người giao và người nhận khoán trên hợp đồng (ông Vũ Huy Tạo).

Khu Bảo tồn đã kiểm tra, lập biên bản và quyết định hủy bỏ hợp đồng, đình chỉ mọi tác động, có báo cáo và đề nghị cấp có thẩm quyền hỗ trợ; tuy nhiên chưa có biện pháp xử lý hiệu quả, vì vậy đến nay chưa xử lý dứt điểm đối với các trường hợp vi phạm (còn 03 hộ chưa chặt bỏ cây cao su trên đất giao khoán). Riêng trường hợp ông Võ Hữu (đã chết) và Khu Bảo tồn đang thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 7144/UBND-KT ngày 21/7/2017 về việc chấp thuận thành lập Hội đồng thanh lý tài sản thông qua hình thức đấu giá theo quy định.

c) Về chuyển nhượng trái phép hợp đồng giao khoán

Khu Bảo tồn đã lập 296 biên bản xác định hành vi vi phạm đối với 258 hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển nhượng hợp đồng giao khoán, nhưng không được sự chấp thuận của bên giao khoán với tổng diện tích 306,74 ha, cụ thể: Có 04 biên bản với 04 hộ (diện tích 3,65 ha), hiện trạng cây trồng không đúng theo hợp đồng và có 292 biên bản với 254 hộ (diện tích 303,09 ha), hiện trạng cây trồng đúng theo hợp đồng.

Các trường hợp chuyển nhượng hợp đồng trái phép chủ yếu bằng giấy viết tay, không báo cáo bên giao khoán. Hầu hết hộ nhận chuyển nhượng là người dân địa phương có nhu cầu, trực tiếp tổ chức sản xuất trên đất nhận chuyển nhượng.

Để xảy ra sai phạm này, trách nhiệm chính là của bên nhận khoán vì đã tự ý chuyển nhượng hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng. Bên giao khoán thiếu trách nhiệm trong việc chưa thường xuyên kiểm tra việc sử dụng đất để kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử lý các trường hợp chuyển nhượng hợp đồng giao khoán trái phép (*Bảng kê số 06 kèm theo*).

d) Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng

Khu Bảo tồn thực hiện giao khoán đất trồng rừng, không giao khoán rừng để chăm sóc bảo vệ, nên không có khoản chi trả cho các hợp đồng này.

Tổng số tiền thu từ sản phẩm khai thác rừng trồng của các hộ nhận khoán là: 1.337.929.563 đồng, trong đó: Thu 5% phí quản lý là 939.566.708 đồng; thu nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp 2% là 398.362.855 đồng, số tiền này đơn vị nộp thuế vào ngân sách theo quy định.

3.3. Về việc chưa lập hợp đồng giao khoán đất đối với 572 hộ gia đình, cá nhân

Hiện nay có 572 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng diện tích 813,7 ha đất, nhưng chưa lập hợp đồng giao khoán theo quy định. Qua kiểm tra hồ sơ và làm việc với một số cán bộ, viên chức là người trước đây trực tiếp bàn giao hồ sơ từ các Lâm trường cho Khu Bảo tồn xác định nguyên nhân chưa lập hồ sơ giao khoán đối với các trường hợp sử dụng đất của Lâm trường là do:

- Khi Chính phủ ban hành Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên đến năm 2002 các Lâm trường mới tiến hành xong công tác đo đạc để lập hồ sơ quản lý và giao khoán cho các hộ. Khi có kết quả đo đạc các Lâm trường mới tiến hành vận động các hộ dân lập hợp đồng giao khoán đồng loạt theo Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ; tuy nhiên, trong thời gian các Lâm trường đang vận động các hộ dân thì có quyết định giải thể, sáp nhập vào Khu Bảo tồn, do đó vẫn còn một số diện tích do các hộ dân đang sử dụng chưa kịp lập hợp đồng giao khoán.

- Năm 2004, Khu Bảo tồn tập trung đo đạc rừng trồng và đất sản xuất nông nghiệp để làm cơ sở giao nhận tài nguyên của các Lâm trường, đến tháng 6/2006 mới hoàn thành công tác bàn giao. Đối với diện tích đất chưa lập hợp đồng giao khoán còn lại phải tạm hoãn lập sổ hợp đồng và chỉ cập nhật số liệu vào hồ sơ quản lý. Trong thời gian này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005; theo đó đất rừng đặc dụng và phòng hộ không phải là đối tượng đất giao khoán, chỉ giao khoán đất thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất. Vì vậy, phải chờ hồ sơ quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn Khu Bảo tồn quản lý được cấp thẩm quyền phê duyệt mới có căn cứ để tiếp tục thực hiện.

- Khi quy hoạch 03 loại rừng được UBND tỉnh phê duyệt năm 2008, đến năm 2009 thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Khu Bảo tồn phải tiến hành tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân để xây dựng phương án xử lý đất giao khoán. Do đây là lĩnh vực phức tạp, phải lấy ý kiến của các sở, ngành, chờ thẩm định và bổ sung, chỉnh sửa nhiều lần, đến năm 2013 Khu Bảo tồn mới hoàn chỉnh phương án xử lý và trình thẩm định phê duyệt phương án. Sau đó Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 1107/SNN-LN ngày 17/4/2014 về việc đề xuất phương án giải quyết hợp đồng giao khoán và được UBND tỉnh chấp thuận, chỉ đạo thực hiện tại Văn bản số 4072/UBND-CNN ngày 15/5/2014, trong đó:

+ Đối với diện tích đất thuộc quy hoạch rừng đặc dụng: Những hộ sử dụng đất ổn định, đúng mục đích, chấp hành quy định của Khu Bảo tồn, có nguyện vọng tiếp tục sử dụng đất, thì Khu Bảo tồn lập hồ sơ quản lý chặt chẽ và cho phép hộ tiếp

tục sử dụng đất đến hết năm 2020 hoặc đến khi có quyết định di dời; những hộ sử dụng sai mục đích, không trực tiếp đầu tư và trực tiếp tổ chức sản xuất mà cho thuê đất, không chấp hành quy định của bên giao khoán, thì giao Khu Bảo tồn phối hợp chính quyền địa phương thu hồi đất theo quy định.

+ Đối với diện tích đất thuộc quy hoạch rừng sản xuất: Những trường hợp sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành tốt quy định, giao Khu Bảo tồn lập hồ sơ giao khoán theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP để quản lý theo quy định; những hộ sử dụng đất sai mục đích, sang nhượng cho người ngoài địa phương, giao Khu Bảo tồn phối hợp chính quyền địa phương thu hồi đất theo quy định.

Như vậy, việc chưa lập hợp đồng giao khoán theo quy định đối với 572 hộ sử dụng với diện tích 813,7 ha, trách nhiệm chính thuộc về các Lâm trường trước đây đã giải thể và Khu Bảo tồn sau khi tiếp nhận bàn giao đã chưa có biện pháp xử lý kịp thời.

4. Về diện tích đất Khu Bảo tồn bàn giao cho địa phương

4.1. Diện tích đất bàn giao cho UBND xã Mã Đà

Thực hiện Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 của UBND tỉnh về việc thu hồi 1.089,68 ha của Khu Bảo tồn giao cho UBND xã Mã Đà; ngày 19/9/2012, UBND huyện Vĩnh Cửu đã chủ trì công tác bàn giao giữa Khu Bảo tồn và UBND xã Mã Đà. Diện tích thực tế bàn giao là 946,67ha/1.089,68 ha, chênh lệch giảm 143,01 ha so với quyết định của UBND tỉnh; nguyên nhân là do có 97,31 ha dưới cos 62 (Hồ Trị An) không bàn giao và 45,7 ha là sai số do đo đạc.

Đồng thời, Khu Bảo tồn đã bàn giao 419 hợp đồng giao khoán với tổng diện tích 452,64 ha cho UBND xã Mã Đà. Từ khi nhận bàn giao, Khu Bảo tồn và UBND xã Mã Đà đã phối hợp để xử lý các hợp đồng giao khoán nhưng đến nay chưa thực hiện xong.

4.2. Diện tích đất bàn giao cho UBND xã Hiếu Liêm

Thực hiện Quyết định 4682/QĐ-UBND ngày 28/2/2007 của UBND tỉnh về việc thu hồi 2.404,53 ha của Khu Bảo tồn giao cho UBND xã Hiếu Liêm; ngày 19/9/2012, UBND huyện Vĩnh Cửu đã chủ trì công tác bàn giao nguyên trạng tình hình sử dụng đất giữa Khu Bảo tồn với UBND xã Hiếu Liêm. Diện tích đất thực tế bàn giao cho UBND xã Hiếu Liêm 2.110,31ha/2.404,53 ha, chênh lệch giảm 294,223 ha so với quyết định của UBND tỉnh; nguyên nhân là do quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh có trùng diện tích thuộc phạm vi địa giới hành chính xã Mã Đà 25,27 ha, thị trấn Vĩnh An 243,27 ha và Công ty thủy điện Trị An là 25,68 ha.

Khu Bảo tồn đã bàn giao 474 hợp đồng giao khoán với tổng diện tích 784,68 ha cho UBND xã Hiếu Liêm. Tuy nhiên, theo biên bản bàn giao còn thiếu 05 hợp đồng giao khoán do mất sổ hợp đồng khoán. Từ khi nhận bàn giao hợp đồng giao khoán, Khu Bảo tồn và UBND xã Hiếu Liêm đã phối hợp để xử lý các hợp đồng giao khoán nhưng đến nay chưa thực hiện xong.

4.3. Diện tích đất Khu Bảo tồn bàn giao cho UBND xã Phú Lý

Ngày 23/4/1998, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1387/1998/QĐ.CT.UBT thu hồi diện tích 4.560 ha của Lâm trường Vĩnh An giao cho UBND xã Phú Lý quản lý. Lâm trường Vĩnh An đã bàn giao 4.307,15 ha, còn lại diện tích 252,85 ha chưa bàn giao cho UBND xã Phú Lý. Cụ thể:

a) Đối với phần diện tích 137,15 ha

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 8212/UBND-CNN ngày 22/10/2012. Ngày 14/8/2013, UBND huyện Vĩnh Cửu ban hành Quyết định số 4486/QĐ-UBND thành lập Tổ kiểm tra, rà soát bàn giao đất rừng trồng của Lâm trường Vĩnh An. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát, ngày 29/10/2014, UBND huyện Vĩnh Cửu đã chủ trì công tác bàn giao đất giữa Khu Bảo tồn và UBND xã Phú Lý để quản lý lập quy hoạch sử dụng đất; theo đó, diện tích thực tế bàn giao là 137,44 ha, chênh lệch tăng 0,29 ha do sai số trong đo đạc.

Qua kiểm tra, Đoàn Thanh tra của tỉnh đã phát hiện Lâm trường Vĩnh An và các tổ chức, cá nhân liên quan đã có những sai phạm trong quản lý và sử dụng đất. Tuy nhiên, Tổ kiểm tra, rà soát bàn giao đất rừng trồng do UBND huyện Vĩnh Cửu thành lập đã không báo cáo, đề xuất xử lý các trường hợp sai phạm với tổng diện tích 21,78 ha, cụ thể:

- Tại Điều 2 Quyết định số 1387/1998/QĐ.CT.UBT 23/4/1998 của UBND tỉnh quy định: “*Đối với đất hiện đang trồng rừng, đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ xung yếu..., giao cho Lâm trường tiếp tục sử dụng để thực hiện quy hoạch được duyệt, không giao cho hộ gia đình, cá nhân*”; tuy nhiên Giám đốc Lâm trường Vĩnh An đã giao khoán đất cho 04 hộ gia đình, cá nhân sau khi có quyết định thu hồi của UBND tỉnh, gồm: Giao khoán bảo vệ rừng với ông Nguyễn Văn Hạnh tại Hợp đồng số 16/HĐ.BVR ngày 01/11/2006, diện tích 7,5 ha; giao đất lâm nghiệp cho ông Phùng Quảng Thi và ông Phùng Quảng Nam, diện tích là 8.628 m² tại Biên bản ngày 03/01/2005; giao đất lâm nghiệp cho ông Lê Văn Hùng tại Biên bản ngày 07/9/2004 và ngày 02/10/2004.

- Có 04 trường hợp gồm: 01 trường hợp sử dụng đất Công đoàn Lâm trường Vĩnh An (ông Vũ Ngọc Khải); 02 trường hợp sử dụng đất Lâm trường Vĩnh An (ông Nguyễn Văn Khải và bà Nguyễn Thị Tuyết) và 01 trường hợp đã được UBND huyện Vĩnh Cửu cấp GCNQSDĐ (ông Phùng Quảng Châu - Bảng kê số 02 kèm theo). Nhưng tại Sổ mục kê đất của UBND xã Phú Lý thì diện tích trên do Lâm trường Vĩnh An kê khai, đăng ký.

- Đặc biệt có 02 trường hợp đã có hành vi chuyển nhượng đất rừng trái phép để thu lợi cá nhân, gồm:

+ Trường hợp các ông: Nguyễn Văn Nhân, Trương Thanh Bình, Nguyễn Xuân Hiệp, Võ Đình Trung đã chuyển nhượng trái phép 03 ha đất rừng cho ông Trương Minh Ngọc thu lợi với tổng số tiền là 76.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 04/5/2004, ông Nguyễn Văn Nhân thay mặt Công đoàn Phân trường 2, Lâm trường Vĩnh An có Tờ trình xin nhận đất trồng rừng diện tích 03 ha để trồng rừng nguyên liệu giấy, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của CBCNV trong phân trường được Giám đốc Lâm trường xác nhận đồng ý, giao Phòng Kỹ thuật làm thủ tục cho mượn và hoàn trả khi nhà nước thu hồi đất. Ngày 02/12/2004, Giám đốc Lâm trường Vĩnh An bàn giao đất cho Phân trường 2 tại Biên bản số 2/12/BBLT ngày 02/12/2004. Tuy nhiên sau đó ngày 02/7/2008, các ông: Nguyễn Văn Nhân, Trương Thanh Bình, Nguyễn Xuân Hiệp, Võ Đình Trung lập Giấy sang nhượng trái phép đất rừng nêu trên cho ông Trương Minh Ngọc, thu lợi với tổng số tiền là 76.000.000 đồng.

+ Trường hợp ông Lê Văn Duyên - Chủ tịch Công đoàn bộ phận Đội bảo vệ có đơn ngày 12/3/2004 xin giao đất sản xuất để canh tác, cải thiện đời sống và được

Giám đốc Lâm trường chấp thuận. Ngày 19/4 (không rõ năm) ông Lê Văn Duyên lập Giấy chuyển nhượng 3,6 ha đất rừng và thành quả trên đất cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lý Lịch thu lợi với số tiền 80.000.000 đồng được ông Nguyễn Văn Thịnh - Giám đốc Lâm trường Vĩnh An chấp thuận xác nhận ngày 20/01/2008.

Theo Điều 140 Luật Đất đai năm 2003 quy định người vi phạm về pháp luật đất đai "*Chuyển quyền sử dụng đất trái phép hoặc các hành vi vi phạm về pháp luật đất đai thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật*" và Điều 141 Luật Đất đai năm 2003, xử lý đối với người quản lý vi phạm luật đất đai "*Người nào lợi dụng chức vụ làm trái với quy định pháp luật trong việc giao đất...; thiếu trách nhiệm trong quản lý để xảy ra vi phạm pháp luật về đất đai... thì tùy tính chất mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật*". Căn cứ quy định nêu trên thì hành vi chuyển nhượng đất rừng trái phép để thu lợi của các ông: Nguyễn Văn Nhân, Trương Thanh Bình, Nguyễn Xuân Hiệp, Võ Đình Trung và ông Lê Văn Duyên; hành vi giao khoán đất của Giám đốc Lâm trường Vĩnh An cho 04 hộ gia đình, cá nhân sau khi đã có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh là có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất; nhưng đến nay, Tổ kiểm tra rà soát bàn giao đất rừng trồng của UBND huyện Vĩnh Cửu không kiến nghị đề xuất chỉ đạo, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai theo đúng quy định.

b) Đối với phần diện tích 175,2 ha

Ngày 24/11/2014, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 11028/UBND-CNN; theo đó Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến đối với khu đất 115,7 ha đất Lâm trường Vĩnh An đã hợp đồng với ông Nguyễn Tấn Lực sử dụng vào năm 1992 nhưng sau khi hết thời hạn hợp đồng ông Nguyễn Tấn Lực không thanh lý và cũng không giao trả lại cho Lâm trường Vĩnh An (khu đất nằm trong diện tích 4.560 ha Lâm trường Vĩnh An bàn giao cho UBND xã Phú Lý quản lý theo Quyết định số 1387/QĐ.CT.UBT ngày 23/4/1998 của UBND tỉnh), trong đó:

- Giao UBND huyện Vĩnh Cửu phối hợp với Khu Bảo tồn tiến hành bàn giao đất theo hiện trạng cho UBND xã Phú Lý quản lý.

- UBND xã Phú Lý căn cứ quy định, lập phương án sử dụng đất đối với phần diện tích được bàn giao theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và trình UBND huyện Vĩnh Cửu phê duyệt; trong đó cần lưu ý khi giải quyết quyền lợi về quyền sử dụng đất đối với vợ và các con ông Nguyễn Tấn Lực thì các đương sự (người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn Lực) phải thực hiện trách nhiệm giải quyết số tiền nợ của ông Lực cho Khu Bảo tồn trước khi giao đất và cấp GCNQSDĐ cho vợ và các con ông Nguyễn Tấn Lực.

- Khu Bảo tồn liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu và UBND xã Phú Lý để giải quyết số tiền ông Nguyễn Tấn Lực nợ trước đây theo quy định.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh; ngày 18/03/2015, UBND huyện Vĩnh Cửu chủ trì, phối hợp với Khu Bảo tồn và UBND xã Phú Lý tổ chức bàn giao nguyên trạng diện tích 115,7ha cho UBND xã Phú Lý. Trong đó:

Diện tích thực tế bàn giao là 175,2 ha/115,7 ha, chênh lệch tăng 59,5 ha, nguyên nhân là do đo đạc trước đây không chính xác. Bao gồm: Diện tích vợ và các

con của ông Nguyễn Tấn Lực hiện đang sử dụng là 49,37 ha. Diện tích ông Lực đã chuyển nhượng cho các hộ dân là 90,63 ha. Diện tích người dân khai hoang nằm trong ranh giới đất ông Nguyễn Tấn Lực hợp đồng với Lâm trường Vĩnh An là 35,2 ha.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất phần diện tích 175,2 ha, thể hiện:

- Năm 1992, Lâm trường Vĩnh An ký hợp đồng cho ông Nguyễn Tấn Lực thuê diện tích 115,7 ha, thời hạn thuê là 06 năm để làm lò đường. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Tấn Lực vi phạm hợp đồng và Lâm trường Vĩnh An khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu. Sau khi hết hạn hợp đồng, ông Nguyễn Tấn Lực không trả lại đất cho Lâm trường Vĩnh An; như vậy, ông Nguyễn Tấn Lực có hành vi chiếm đất của Lâm trường Vĩnh An.

- Qua kiểm tra, rà soát công tác bàn giao đất, Tô rà soát của UBND huyện Vĩnh Cửu phát hiện UBND huyện Vĩnh Cửu đã cấp 28 GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân trên phần diện tích đất ông Nguyễn Tấn Lực thuê của Lâm trường Vĩnh An trái quy định, nhưng đến nay chưa được xử lý thu hồi theo quy định (*Bảng kê số 07 kèm theo*).

- Theo Sổ mục kê đất xã Phú Lý, quyển số 01 được Sở Địa chính xác nhận ngày 15/12/2000, thể hiện: Lâm trường Vĩnh An đã đăng ký kê khai 114 thửa với tổng diện tích khoảng 123,74 ha.

Như vậy, diện tích 175,2 ha đất Lâm trường Vĩnh An trước đây cho ông Nguyễn Tấn Lực thuê là đất của Lâm trường Vĩnh An, nay được bàn giao cho UBND xã Phú Lý là đất có nguồn gốc do nhà nước quản lý. Việc ông Nguyễn Tấn Lực và gia đình ông Lực không bàn giao lại diện tích đất cho Lâm trường Vĩnh An mà tự ý sử dụng và sang nhượng phần lớn diện tích đất nêu trên là trái quy định pháp luật. Bên cạnh đó việc UBND huyện Vĩnh Cửu đã cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình trên phần diện tích 175,2 ha ông Lực thuê của Lâm trường Vĩnh An là không đúng quy định.

Đối với việc thu hồi số tiền thi hành án còn lại là 543.238.899 đồng/ 713.238.899 đồng (*theo Quyết định số 20/HGT ngày 09/6/1995 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu*) mà ông Nguyễn Tấn Lực còn thiếu nợ Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh An (nay sáp nhập vào Khu Bảo tồn) chưa được thực hiện, vì không xác định được tài sản để thi hành án (do ông Lực đã chết).

C. KẾT LUẬN

Khu Bảo tồn được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ các Lâm trường quốc doanh (Lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà, Vĩnh An và Trung tâm Thủy sản Đồng Nai) với diện tích hiện nay đang quản lý 100.601,0 ha (bao gồm cả diện tích đất ngập nước nội địa Hồ Trị An). Từ khi được thành lập, Khu Bảo tồn đã thành lập và giao cho các Trạm Kiểm lâm trực thuộc, các phòng chuyên môn xây dựng, cập nhật hồ sơ bản đồ và quản lý đất đai, quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp theo từng khu vực. Trong các năm qua, Khu Bảo tồn đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện dự án trồng và khôi phục rừng cây gỗ lớn bản địa, kết quả: khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên được trên 2.700ha và trồng khôi phục rừng được trên 1.700ha. Không để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất rừng, mất rừng. Đã tổ chức rà soát, hiện trạng sử dụng đất và đến nay đã được cấp GCNQSDĐ là 62.364,9/67.638,9ha, đạt 99,39% so với tổng diện tích đất đang quản lý. Nhìn

chung, trong điều kiện được giao quản lý diện tích đất rất lớn từ nhiều đơn vị sáp nhập, trong khi lực lượng làm công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng mỏng. Nhưng Khu Bảo tồn đã thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ rừng và đất ngập nước nội địa Hồ Trị An theo nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, ngoài những việc làm tốt nêu trên, trong quá trình quản lý, sử dụng đất vẫn còn một số tồn tại thiếu sót, cụ thể:

I. VỀ GIAO KHOÁN ĐẤT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

1. Các trường hợp xây dựng nhà ở, công trình trên đất giao khoán

Hiện nay trên phần diện tích đất giao khoán của Khu Bảo tồn còn có 1.513 căn nhà (gồm 221 nhà xây và 1.292 nhà tạm). Trong đó có 04 trường hợp xây dựng chuồng trại, nhà xưởng. Khu Bảo tồn đã có các biện pháp để tuyên truyền, vận động, ngăn chặn; nhưng chủ yếu thực hiện kiểm tra, giám sát. Việc thực hiện quyền và trách nhiệm của bên giao khoán còn hạn chế. Công tác phối hợp xử lý giữa Khu Bảo tồn và chính quyền địa phương đối với các trường hợp vi phạm chưa kịp thời, nên việc khắc phục không triệt để.

- Về nguyên nhân khách quan: Do hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về xây dựng nhà ở, công trình trên đất giao khoán còn nhiều bất cập, chồng chéo dẫn đến việc thực hiện công tác quản lý gặp nhiều khó khăn.

- Về nguyên nhân chủ quan: Do nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nên các hộ nhận khoán đều tự làm nhà ở trên đất nhận khoán. Ngoài ra, theo định hướng của các lâm trường trước đây là quy hoạch khu vực lâm trường bộ và các khu trung tâm của phân trường thành các làng Lâm nghiệp, nhằm ổn định cuộc sống cho CBCNV lâm trường, nhân dân lao động nghề rừng nói chung trên địa bàn, đặc biệt là những hộ tham gia dọn lòng hồ Trị An ở lại định cư, dân khai phá vùng kinh tế mới do tỉnh Đồng Nai kết nghĩa với các tỉnh miền Bắc và miền Trung... Ở những cụm quy hoạch này, các lâm trường cũng đã đầu tư xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo, đường dân sinh... và các hộ gia đình tự làm nhà ở, cũng như các công trình phụ trợ khác hình thành nên các cụm dân cư ngày nay. Mặt khác các Lâm trường trước đây chỉ tập trung chủ yếu vào việc khai thác kinh doanh rừng, chưa chú trọng đến việc xử lý các trường hợp xây dựng nhà ở, công trình trên đất giao khoán, dẫn đến tồn tại kéo dài cho đến nay.

2. Về việc sử dụng đất không đúng mục đích

Có 09 hộ gia đình tự ý trồng cây cao su và cây điều trên đất giao khoán. Khu Bảo tồn đã kiểm tra, phát hiện, ban hành các quyết định thanh lý, hủy bỏ hợp đồng giao khoán và đình chỉ mọi tác động do vi phạm sử dụng đất đối với các trường hợp vi phạm. Đồng thời báo cáo và đề nghị các cơ quan chức năng hỗ trợ. Nhưng đến nay vẫn còn 04 hộ chưa chặt bỏ cây cao su và cây điều trên phần diện tích đất giao khoán, Khu Bảo tồn cần tiếp tục có các biện pháp để xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm theo quy định.

3. Về chuyển nhượng trái phép hợp đồng giao khoán:

Hiện nay, trên phần đất do Khu Bảo tồn quản lý có 258 hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển nhượng hợp đồng giao khoán nhưng không được sự chấp thuận của bên giao khoán với tổng diện tích 306,74 ha. Qua kiểm tra xác định các trường hợp tự ý chuyển nhượng hợp đồng trái phép cho các hộ, gia đình khác bằng giấy viết tay, không báo cáo bên giao khoán là vi phạm hợp đồng giao khoán.

Như vậy, để xảy ra các trường hợp xây dựng nhà ở, chuồng, trại, nhà xưởng, sử dụng đất không đúng mục đích và chuyển nhượng trái phép hợp đồng giao khoán nêu tại Điểm 1, 2, 3 Mục I Phần C, trách nhiệm thuộc về:

- Về trách nhiệm của bên nhận khoán: Các hộ gia đình, cá nhân không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên nhận khoán là vi phạm hợp đồng giao khoán theo quy định tại Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995, Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

- Về trách nhiệm của bên giao khoán: Giám đốc các Lâm trường trước đây đã giải thể và Khu Bảo tồn đã không thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất của các hộ nhận khoán. Khi phát hiện các trường hợp sai phạm chưa cương quyết xử lý.

- Về trách nhiệm của chính quyền địa phương (UBND các xã: Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý, thị trấn Vĩnh An và UBND huyện Vĩnh Cửu): Chưa phối hợp chặt chẽ, kịp thời theo đề nghị của Khu Bảo tồn trong việc xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

4. Về việc chưa lập hợp đồng giao khoán đất đối với 572 hộ gia đình, cá nhân

Hiện nay, trên diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý có 572 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng diện tích 813,7 ha đất, nhưng chưa lập hợp đồng giao khoán theo quy định. Mặc dù Khu Bảo tồn đã đưa vào hồ sơ quản lý và có báo cáo đề xuất phương án, được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 4072/UBND-CNN ngày 15/5/2014; tuy nhiên, công tác lập hợp đồng giao khoán để quản lý vẫn chậm theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Trách nhiệm chính thuộc về Giám đốc các Lâm trường trước đây đã không thực hiện lập hợp đồng giao khoán với các hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Bên cạnh đó, trách nhiệm của Giám đốc Khu Bảo tồn là chưa xử lý kịp thời đối với 572 hộ gia đình, cá nhân chưa ký hợp đồng giao khoán.

5. Đối với diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý nhưng UBND huyện Vĩnh Cửu cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân

Ngày 29/7/2013, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Văn bản số 6066/UBND-CNN về việc giao UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện thu hồi 20 GCNQĐĐ do cấp trái quy định pháp luật trên phần diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý (thuộc địa giới hành chính xã Phú Lý). Hiện nay, UBND huyện Vĩnh Cửu đã ban hành quyết định thu hồi 20 GCNQSDĐ theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Ngoài ra, còn 03 trường hợp UBND huyện Vĩnh Cửu đã cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân trên phần diện tích đất Khu Bảo tồn quản lý (thuộc địa giới hành chính thị trấn Vĩnh An) nhưng chưa xử lý thu hồi theo quy định.

II. ĐỐI VỚI CÁC DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

1. Về thủ tục bàn giao đất cho địa phương

Thực hiện Quyết định số 4682/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 của UBND tỉnh, UBND huyện Vĩnh Cửu đã chủ trì, phối hợp với Khu Bảo tồn, UBND xã Mã Đà, UBND xã Hiếu Liêm thực hiện

công tác bàn giao đất theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình bàn giao phát hiện diện tích đất thực tế bàn giao có chênh lệch giảm so với diện tích ghi trong các quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh (tại xã Hiếu Liêm giảm 294,223 ha và tại xã Mã Đà giảm 143,01 ha). Đến nay các đơn vị được giao nhiệm vụ chưa có báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý.

Trách nhiệm trên thuộc về UBND huyện Vĩnh Cửu, UBND xã Hiếu Liêm, UBND xã Mã Đà và Khu Bảo tồn.

2. Đối với phần diện tích 137,15 ha bàn giao cho UBND xã Phú Lý

Theo kết quả kiểm tra của Tổ kiểm tra rà soát theo Quyết định số 4486/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND huyện Vĩnh Cửu, thể hiện:

Về thanh lý hợp đồng giao khoán, đến nay còn 04 hợp đồng với diện tích 5,81ha do các hộ chưa đến làm thủ tục thanh lý.

Về quản lý sử dụng đất, Lâm trường Vĩnh An và các tổ chức, cá nhân liên quan đã có những sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đối với diện tích 21,78 ha do Lâm trường Vĩnh An kê khai, đăng ký (trong phần diện tích 137,15 ha bàn giao cho UBND xã Phú Lý), cụ thể:

- Giám đốc Lâm trường Vĩnh An đã giao khoán đất cho 04 hộ gia đình, cá nhân gồm: ông Nguyễn Văn Hạnh, ông Phùng Quảng Thi, ông Phùng Quảng Nam và ông Lê Văn Hùng không đúng Điều 2 Quyết định số 1387/QĐ-UBND 23/4/1998 của UBND tỉnh.

- Có 04 trường hợp gồm: 01 trường hợp sử dụng đất Công đoàn Lâm trường Vĩnh An (ông Vũ Ngọc Khải); 02 trường hợp sử dụng đất Lâm trường Vĩnh An (ông Nguyễn Văn Khải và bà Nguyễn Thị Tuyết) và 01 trường hợp đã được UBND huyện Vĩnh Cửu cấp GCNQSDĐ (ông Phùng Quảng Châu). Qua kiểm tra Sổ mục kê đất của UBND xã Phú Lý thì diện tích trên do Lâm trường Vĩnh An kê khai, đăng ký.

- Đối với trường hợp các ông: Nguyễn Văn Nhân, Trương Thanh Bình, Nguyễn Xuân Hiệp, Võ Đình Trung - Tổ Công đoàn Phân trường 2 đã chuyển nhượng trái phép 03 ha đất rừng cho ông Trương Minh Ngọc thu lợi cá nhân số tiền là 76.000.000 đồng. Ông Lê Văn Duyên chuyển nhượng trái phép 3,6 ha đất rừng và thành quả trên đất cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lý Lịch thu lợi cá nhân số tiền 80.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 140 và Điều 141 Luật Đất đai năm 2003, thì hành vi chuyển nhượng đất rừng để thu lợi của các ông: Nguyễn Văn Nhân, Trương Thanh Bình, Nguyễn Xuân Hiệp, Võ Đình Trung và ông Lê Văn Duyên; hành vi giao khoán đất của Giám đốc Lâm trường Vĩnh An cho 04 hộ gia đình, cá nhân sau khi đã có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh là có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất. Nhưng Tổ kiểm tra rà soát của UBND huyện Vĩnh Cửu đã không đề xuất xử lý, là không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao và những vi phạm nêu trên cần xử lý theo đúng quy định; trách nhiệm này thuộc về Tổ kiểm tra rà soát của UBND huyện Vĩnh Cửu.

3. Đối với phần diện tích 175,2 ha

Diện tích 175,2 ha đất Lâm trường Vĩnh An trước đây cho ông Nguyễn Tấn Lực thuê và nay bàn giao cho UBND xã Phú Lý là đất có nguồn gốc do nhà nước quản lý. Việc ông Nguyễn Tấn Lực và gia đình ông Lực không bàn giao lại diện

tích đất cho Lâm trường Vĩnh An mà tự ý sử dụng và sang nhượng phần lớn diện tích đất nêu trên là trái quy định pháp luật; trách nhiệm này thuộc về cá nhân ông Nguyễn Tấn Lực và Giám đốc Lâm trường Vĩnh An trước đây.

Mặt khác, UBND huyện Vĩnh Cửu đã cấp 28 GCNQSDĐ cho các hộ gia đình trên phần diện tích của Lâm trường Vĩnh An cho ông Nguyễn Tấn Lực thuê là trái quy định pháp luật, nhưng đến nay chưa được xử lý thu hồi theo quy định. Trách nhiệm này thuộc về UBND xã Phú Lý, Phòng TN-MT huyện và UBND huyện Vĩnh Cửu trong việc xem xét và cấp GCNQSDĐ.

Đối với việc thu hồi số tiền thi hành án còn lại là 543.238.899 đồng do ông Nguyễn Tấn Lực phải trả cho Khu Bảo tồn, hiện nay chưa thực hiện được do chưa xác định được người thừa kế nghĩa vụ thi hành án. Khu Bảo tồn tiếp tục có trách nhiệm tổ chức tham mưu thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 11028/UBND-CNN ngày 24/11/2014.

D. BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ những nội dung kết luận nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý như sau:

I. DIỆN TÍCH ĐẤT KHU BẢO TỒN ĐANG QUẢN LÝ

1. Đối với 02 quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh không đúng với diện tích thực tế bàn giao:

Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chủ trì cùng với Khu Bảo tồn, UBND các xã: Mã Đà, Hiếu Liêm và các cơ quan có liên quan báo cáo và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý điều chỉnh đối các Quyết định thu hồi đất số 4682/QĐ-UBND ngày 28/12/2007, số 31/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 và các hồ sơ liên quan cho đúng diện tích đất thực tế bàn giao.

2. Đối với diện tích chưa được cấp GCNQSD đất

Giao Khu Bảo tồn chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường, UBND huyện Vĩnh Cửu, UBND các xã có liên quan khẩn trương kiểm tra, rà soát hiện trạng sử dụng đất đối với diện tích 5.716,15 ha chưa được cấp GCNQSDĐ và lập hồ sơ để cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật.

3. Đối với các trường hợp xây dựng nhà trên đất giao khoán:

3.1. Đối với các trường hợp xây dựng nhà ở trước khi Nghị định số 168/2016/NĐ-CP, ngày 27/12/2016 của Chính phủ có hiệu lực thi hành:

- Đối với những trường hợp xây dựng nhà ở thuộc các cụm dân cư ven Hồ Trị An, thuộc xã Mã Đà, UBND tỉnh đã có chủ trương và đang xúc tiến việc xây dựng tuyến đường dân sinh ven hồ, thì xem xét cho ổn định tại chỗ theo mục tiêu của dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư tuyến đường ven hồ Trị An để tạo điều kiện cho nhân dân đi lại, ổn định cuộc sống cho người dân vùng đệm và bảo vệ diện tích rừng hiện hữu.

- Đối với những trường hợp còn lại thuộc vùng quy hoạch rừng đặc dụng, lập hồ sơ quản lý chặt chẽ, cho phép hộ dân sử dụng đến năm 2020 hoặc đến khi có quyết định di dời của cấp có thẩm quyền.

3.2. Đối với các trường hợp xây dựng nhà ở khi Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ có hiệu lực thi hành

Đối với trường hợp ông Phan Văn Phương và bà Nguyễn Thị Lê Thu xây dựng nhà trên diện tích nhận giao khoán trong năm 2017. Yêu cầu Khu Bảo tồn chủ trì, phối hợp với UBND huyện Vĩnh Cửu và UBND xã Mã Đà thực hiện xử lý công trình xây dựng trái phép trên đất do Khu Bảo tồn quản lý theo đúng quy định.

4. Đối với 04 trường hợp trồng cây cao su và cây điều trên phần diện tích đất giao khoán

Giao Khu Bảo tồn tiếp tục vận động, tuyên truyền và lập hồ sơ xử lý 04 trường hợp trồng cây cao su và cây điều trên phần diện tích đất giao khoán theo hướng:

- Đối với 03 hộ trồng cao su nằm trong vùng quy hoạch rừng sản xuất cho phép hộ nhận khoán cam kết và sử dụng đất hết một chu kỳ cây trồng, sau đó thanh lý hợp đồng thu hồi đất;

- Đối với 01 hộ trồng cây điều nằm trong vùng quy hoạch rừng đặc dụng cho phép hộ tiếp tục sử dụng đất đến khi có quyết định di dời.

5. Đối với 572 hộ chưa ký hợp đồng giao khoán

Giao Khu Bảo tồn khẩn trương thực hiện xử lý đối với 572 hộ chưa lập hợp đồng giao khoán đất theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 4072/UBND-CNN ngày 15/5/2014, trong đó:

- Những hộ sử dụng đất sai mục đích, sang nhượng cho người ngoài địa phương kiên quyết tổ chức thu hồi;

- Những hộ sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành tốt quy định của nhà nước:

+ Đối với diện tích đất nằm trong quy hoạch rừng sản xuất lập hồ sơ giao khoán đất theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP cho các hộ.

+ Đối với diện tích đất nằm trong quy hoạch rừng đặc dụng: Lập hồ sơ quản lý chặt chẽ và cho phép hộ tiếp tục sử dụng đất đến hết năm 2020 hoặc đến khi có quyết định di dời của cấp có thẩm quyền như đối với các hộ đã có hợp đồng giao khoán.

6. Đối với những trường hợp chuyển nhượng trái phép

Giao Khu bảo tồn rà soát, phân loại để xử lý:

- Những hộ sử dụng đất sai mục đích, sang nhượng cho người ngoài địa phương kiên quyết tổ chức thu hồi;

- Những hộ sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành tốt quy định của nhà nước:

+ Đối với diện tích đất nằm trong quy hoạch rừng sản xuất lập hồ sơ giao khoán đất theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP cho các hộ.

+ Đối với diện tích đất nằm trong quy hoạch rừng đặc dụng: Lập hồ sơ quản lý chặt chẽ và cho phép hộ tiếp tục sử dụng đất đến hết năm 2020 hoặc đến khi có quyết định di dời như đối với các hộ đã có hợp đồng giao khoán.

7. Đối với hồ sơ hợp đồng giao khoán

Khu Bảo tồn có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hồ sơ hợp đồng giao khoán đang quản lý để bổ sung, hoàn thiện các hợp đồng còn sai sót và thực hiện quản lý chặt chẽ hồ sơ theo đúng quy định.

II. DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ BÀN GIAO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

1. Đối với 897 hợp đồng giao khoán đã bàn giao về cho địa phương nhưng chưa thanh lý

Giao Khu Bảo tồn phối hợp với UBND huyện Vĩnh Cửu; UBND các xã Mã Đà, Hiếu Liêm và Phú Lý xử lý 897 hợp đồng giao khoán và thu hồi tiền đã đầu tư từ ngân sách nhà nước trên phần diện tích giao khoán cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

2. Đối với diện tích 175,2 ha đất Lâm trường Vĩnh An cho ông Nguyễn Tấn Lực thuê

2.1. Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chủ trì, phối hợp với Khu Bảo tồn, UBND xã Phú Lý quản lý chặt chẽ diện tích 175,2 ha đất trước đây Lâm trường Vĩnh An cho ông Nguyễn Tấn Lực thuê; đồng thời chỉ đạo UBND xã Phú Lý tiếp tục thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; trong đó xem xét ưu tiên bố trí một phần diện tích đất trên để phục vụ dự án di dời các hộ dân đang sinh sống tại vùng quy hoạch rừng đặc dụng Khu Bảo tồn theo quy định.

2.2. Đối với số tiền 543.238.899 đồng ông Nguyễn Tấn Lực phải trả cho Khu Bảo tồn

Giao Khu Bảo tồn chủ trì phối hợp với UBND huyện Vĩnh Cửu, UBND xã Phú Lý và Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu xác định tài sản của ông Nguyễn Tấn Lực để đảm bảo thi hành án theo quy định. Trường hợp có khó khăn vướng mắc tham mưu Trường ban chỉ đạo thi hành án huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo, xử lý theo thẩm quyền.

3. Đối với diện tích đất Lâm trường Vĩnh An kê khai, đăng ký

3.1. Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND xã Phú Lý kiểm tra, làm rõ để xử lý theo đúng quy định pháp luật đối với:

Hành vi chuyển nhượng đất rừng trái phép và thu lợi của các ông: Nguyễn Văn Nhân, Trương Thanh Bình, Nguyễn Xuân Hiệp, Võ Đình Trung và ông Lê Văn Duyên;

Việc giao khoán đất của Lâm trường Vĩnh An cho 04 hộ gia đình, cá nhân sau khi đã có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh;

Tiếp tục xác minh, làm rõ 04 trường hợp đang sử dụng đất của Lâm trường Vĩnh An, nhưng không có hồ sơ giấy tờ về đất đai để xử lý theo quy định pháp luật.

3.2. Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo UBND xã Phú Lý và các cơ quan chuyên môn có liên quan quản lý chặt chẽ khu đất, phối hợp với Khu Bảo tồn trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đối với diện tích 21,78 ha đất do Lâm trường Vĩnh An đăng ký quản lý, trong đó xem xét ưu tiên bố trí đất phục vụ dự án di dời các hộ dân đang sinh sống tại vùng quy hoạch rừng đặc dụng của Khu Bảo tồn theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt.

III. ĐỐI VỚI 32 GIẤY CNQSDĐ CẤP TRÁI PHÁP LUẬT

Giao UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện thủ tục thu hồi 32 GCNQSDĐ đã cấp trái quy định pháp luật.

IV. VỀ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

1. Giao Khu Bảo tồn

Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, thiếu sót nêu tại phân kết luận nêu trên.

2. Giao UBND huyện Vĩnh Cửu

- Tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân trong việc chậm thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 6066/UBND-CNN ngày 29/7/2013 đối với việc giao UBND huyện Vĩnh Cửu thu hồi 20 GNCQSDĐ đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Phú Lý.

- Tổ chức kiểm điểm các tập thể và cá nhân có liên quan đến việc tham mưu UBND huyện cấp 52 GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Phú Lý và thị trấn Vĩnh An trái quy định pháp luật.

- Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Tổ kiểm tra rà soát bàn giao đất của UBND huyện Vĩnh Cửu trong việc không tham mưu, đề xuất chỉ đạo xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi sai phạm nêu tại Điểm 2, 3, Mục II, Phần C Kết luận.

3. Giao Trưởng đoàn thanh tra theo Quyết định số 1495/QĐ-UBND

Tổ chức việc công khai Kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

4. Giao Thanh tra tỉnh

Tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra của các tổ chức, cá nhân; tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Trên đây là kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đối với Khu bảo tồn thiên nhiên văn hoá Đồng Nai, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả về UBND tỉnh (đồng gửi Thanh tra tỉnh để theo dõi tổng hợp)/.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai;
- UBND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND các xã: Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu VT, KT, NC.



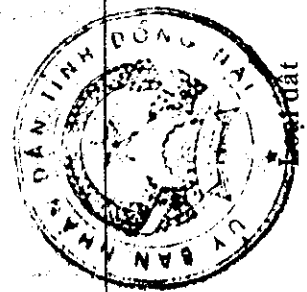
*** Võ Văn Chánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bảng kê số 01

DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Kèm theo Kết luận thanh tra số 04/KL-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh



STT	Diện tích đã có kết quả rà soát chưa được cấp giấy CNQSD đất (m2)						Xã Phú Lý	Xã Hiếu Liêm	Thị trấn Vĩnh An
	Tổng diện tích	Theo Quyết định số 1843 năm 2010	Theo QĐ 4451 năm 2014 điều chỉnh QĐ 31 năm 2008	Theo Quyết định số 1783 năm 2017	Theo QĐ 1003 năm 2010 và QĐ 1049 điều chỉnh năm 2014	Theo Quyết định số 836 năm 2017			
1	Đất rừng lâm nghiệp	19,751,318.00	8,832,649.00			10,918,669.00			
2	Đất nông nghiệp	19,076,277.00	17,417,553.00			1,658,724.00			
3	Đất cơ sở SXKD	64,861.00	64,861.00						
4	Đất xây dựng công trình hạ tầng	1,586,431.00	1,586,431.00						
5	Đất nuôi trồng thủy sản	346,409.00	346,409.00						
6	Đất giao thông, qua hoạch giao thông, lộ giới giao thông, hành lang công trình lòng Hồ Trị An	1,671,483.00		13,909.60	276,069.70	347,614.00	1,008,256.00	25,633.70	
7	Đất sông ngòi kênh rạch, suối, mặt nước chuyên dùng...	8,018,809.00	5,287,781.00			383,503.00	2,347,525.00		
8	Đất làm trường học	2,306.00					2,306.00		
9	Đất bằng chưa sử dụng:	395,012.00	395,012.00						
10	Đất không trọn 9 thửa giao đất Quốc phòng	1,345,988.00					1,345,988.00		
Tổng cộng (m2)		52,258,894.00	33,930,696.00	13,909.60	276,069.70	13,308,510.00	4,704,075.00	25,633.70	
Quy đổi diện tích từ m2 sang ha		5,225.89	3,393.07	1.39	27.61	1,330.85	470.41	2.56	

**BẢNG KÊ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ CẤP GCNQSDĐ TRÊN PHẦN DIỆN TÍCH ĐẤT
TẠI THỊ TRẤN VINH AN VÀ XÃ PHÚ LÝ**

Bảng kê số 02

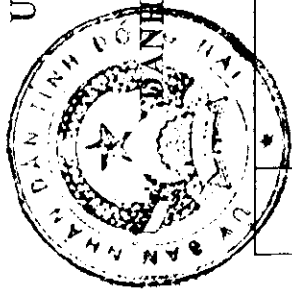
STT	Họ và tên các hộ dân	Tờ bản đồ	Khu vực	Thửa đất	Diện tích (m ²)	GCNQSDĐ đã cấp
1	Đoàn Văn Hoàn	19	Thị trấn Vinh An	51	1.783	Giấy CNQSDĐ số BQ 127143 ngày 27/9/2013
2	Nguyễn Quang Bình	19	Thị trấn Vinh An	52	2.310	Giấy CNQSDĐ số BQ 127144 ngày 27/9/2013
3	Cô Trần Huy	19	Thị trấn Vinh An	53	7.174	Giấy CNQSDĐ số BM 410416 ngày 10/01/2013
4	Phùng Quang Châu	39	Xã Phú Lý	124	5.577	Quyết định số 546/QĐ.T.B11 ngày 21/10/1999
Tổng cộng		2		4	11,267	4 Giấy CNQSDĐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

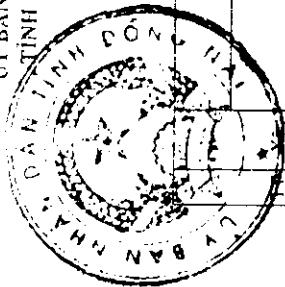
Bảng kê số 03

SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH XÂY DỰNG CHUÔNG TRẠI, NHÀ XƯƠNG TRÊN ĐẤT GIAO KHOÁN

Kèm theo Kết luận thanh tra số 04/KL-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh



STT	Họ và tên	Địa chỉ	Hồ sơ xử lý vi phạm	Đơn vị lập hồ sơ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Học	Xã Mã Đà	Các biên bản VPHC; quyết định xử phạt VPHC; và các văn bản tài liệu khác có liên quan....	Khu BTTN và Văn hóa Đồng Nai; Cục C49-Bộ Công an; Phòng PC49- Công an Đồng Nai; Sở TNMT; Chính quyền địa phương huyện Vĩnh Cửu lập...	
2	Lê Quang Thu				
3	Trần Văn Hương				
4	Lê Thị Bích Phượng				

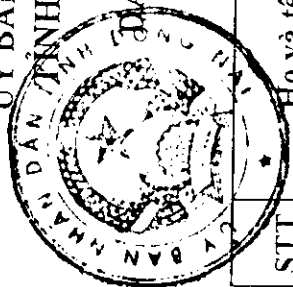


BẢNG KÊ CÁC TRƯỜNG HỢP XÂY DỰNG NHÀ Ở TRÁI PHÉP TRÊN ĐẤT GIAO KHOẢN
(Những trường hợp đã lập biên bản vi phạm)

Kèm theo Kết luận thành lập ~~50/2017~~ **50/KL-UBND** ngày ~~25/10/2017~~ **25/10/2017** của Chủ tịch UBND tỉnh

Số liệu theo hợp đồng, hồ sơ quản lý										Tình trạng xử lý																			
Người đứng tên nhận khoán	Số số hợp đồng	Ngày ký	TK	Kh	Diện tích (ha)	Người sử dụng hiện nay	Trạm	Tờ ĐĐ ĐC	Thửa	Nội dung vi phạm			Lập biên bản vi phạm								Văn bản X lý của KBT								
										Loại công trình XD	Năm xây dựng	DT xây dựng	Số lần	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	Lần 8	Loại văn bản	Số hiệu	Ngày tháng					
1 M Đà Lê Quang Thu	36/BC	15/10/02	132	5	1,31	Lê Quang Thu	B. Cầu	69	43	nhà ở	2003	550,0	3	18/3/16	18/5/17									TB/HĐHD	589	14/2/16			
2 M Đà Lê Thị Bích Phương (bà Nghiệm)	111/LT	07/05/1999	137	2	142,142b	Lê Thị Bích Phương (bà Nghiệm) Lê Thị Bích Phương (bà Nghiệm)	B. Cầu	78	35-39	nhà xưởng	2003	2,989,0															228	3/2/17	
3 M Đà Nguyễn Văn Học	06/BC	26/4/06	132	5	6+7	Nguyễn Văn Học	B. Cầu	69	7	Ch. trại	2007	2,920,0	5	14/4/17	20/5/16	14/12/16	18/5/17									TB/HĐHD	590	14/12/16	
4 M Đà Phan Văn Phương	78/CS	26/10/02	129	5	0,98	Phan Văn Phương	B. Cầu	63	58	nhà ở	2017	500,0	9	09/01/17, 21/02/17	28/02/17	07/3/17	16/3/17	24/3/17	05/4/17	14/4/17								482	10/11/15
5 M Đà Đàm Đức Vạt	71/ĐD	10/1/002	104	5	1,04	Đàm Đức Vạt	B. Điền	25	39	nhà ở	2012	60,0	3	24/5/12	28/5/12	31/5/12												24	02/3/16
6 M Đà Đào Công Nạp	64/ĐD	10/1/0/02	104	5	0,96	Đào Công Nạp	B. Điền	25	31	nhà ở	2009	55,0	4	29/5/09	29/5/09	04/6/09	09/6/09												
7 M Đà Lê Văn Chung	97/ĐD	10/1/0/02	104	5	0,01	Ngô Văn Đào	B. Điền	25	107	nhà ở	2009	40,0	4	09/6/09	09/6/09	15/6/09	19/6/09												
8 M Đà Lê Văn Chung	97/ĐD	10/1/0/02	104	5	0,01	Nguyễn Đình Báo	B. Điền	25	107	nhà ở	2009	40,0	5	09/6/09	09/6/09	15/6/09	19/6/09												
9 M Đà Nguyễn Đức Trung	77/ĐD	10/1/0/02	104	5	0,75	Nguyễn Đức Trung	B. Điền	25	68	nhà ở	2010	32,0	4	25/6/10	25/6/10	28/6/10	30/6/10												
10 M Đà Nguyễn Văn Chiến	KHD		104	5	0,50	Nguyễn Văn Chiến	B. Điền	23	47- 49+51+54	nhà ở	2011	45,0	3	25/02/11	28/02/11	04/3/11													
11 M Đà Nguyễn Văn Vang	248/LT	01/01/1996	104	5	37	Nguyễn Văn Vang	B. Điền	26	38+39	nhà ở	2013	150,0	4	24/4/13	29/4/13	14/5/13	21/5/13												
12 M Đà Trương Anh Tùng	93/ĐD	10/1/0/02	104	5	0,06	Trương Anh Tùng	B. Điền	25	94	nhà ở	2010	40,0	4	19/6/10	19/6/10	26/6/10	30/6/10												
13 M Đà Huỳnh Thanh Tiến	76/CN	01/1/0/02	121	1	0,50	Huỳnh Thanh Tiến	C.桂	47	4	Bê đất lương phật	2008	4,0	2	12/11/08	18/11/08														
14 M Đà Huỳnh Văn Công (chồng bà Hằng)	KHD		110	8	1,30	Nguyễn Thị Hằng	S. Trau	27	2	nhà ở	2008	87,5	3	01/5/08	14/6/08	25/6/08													
15 M Đà Ngô Thị Trúc Linh	656/LT	01/01/196	106	4	31+31b	Ngô Thị Trúc Linh	S. Trau	5	93+128	Ch. trại	2015	60,0	8	22/12/15	17/1/16	25/3/16	21/4/16	28/6/16	20/6/16	11/7/16	25/5/17	10/1/16					5	31/5/16	
16 M Đà Nguyễn Thị Lê Thu	KHD		116	1		Nguyễn Thị Lê Thu	S. Trau	19	34	nhà ở	2017	72,0	1	07/3/17															
17 M Đà Nguyễn Phú Dân	16/S. Tr.	30/1/0/02	110	9	3,89	Nguyễn Văn Mạnh	S. Trau	18	30+32	nhà ở	2008	31,5	3	08/7/08	08/7/08	18/7/08													

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**



DANH SÁCH CÁC HỘ TRỒNG CÂY CAO SU VÀ CÂY ĐIỀU TRÊN ĐẤT GIAO KHOÁN
 Kèm theo Kết luận thanh tra số 44/KL-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh

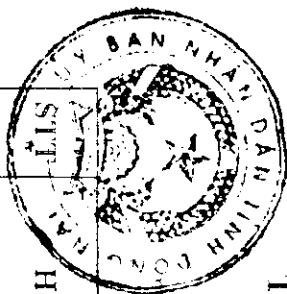
STT	Họ và tên	Địa chỉ	Hồ sơ xử lý vi phạm	Đơn vị lập hồ sơ	Ghi chú
1	Vũ Huy Tạo	Xã Phú Lý	Các hợp đồng giao khoán; các biên bản kiểm tra; biên bản làm việc; thông báo hủy bỏ hợp đồng giao khoán và các văn bản tài liệu khác có liên quan....	Khu BTTN và Văn hóa Đông Nai lập;	
2	Lê Công Dũng				
3	Phùng Quảng Nam				
4	Nguyễn Văn Hồng				
5	Nguyễn Văn Đông				
6	Trần Đức Bình				
7	Phan Anh Tuấn				
8	Trần Đức Bông				
9	Lê Quyết				

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bảng kê số 06

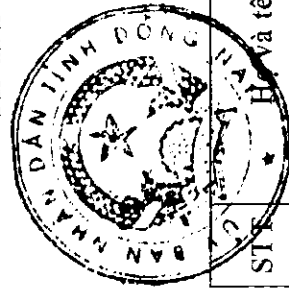
DANH SÁCH CÁC HỘ CHUYÊN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN TRÁI PHÉP

Kèm theo Kê luận thanh tra số 104/KL-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh



Họ và tên	Địa chỉ	Hồ sơ xử lý vi phạm	Đơn vị lập hồ sơ	Ghi chú
1 Nguyễn Tấn Phong	Xã Mã Đà	Biểu thông kê; các biên bản làm việc và các văn bản tài liệu khác có liên quan....	Khu BTTN và Văn hóa Đồng Nai lập;	
2 Lê Văn Nam				
3 Phan Minh Tâm				
4 Nguyễn Văn Quang				
5 Trần Văn Thanh				
6 Lê Văn Học				
7 Huỳnh Thành Lễ				
8 Huỳnh Thanh Trí				
9 Quách Đình Tùng				Xã Hiếu Liêm
10 Nguyễn Văn Huệ				Xã Phú Lý
11 Nguyễn Võ				
12 Nguyễn Văn Lâm				Thị trấn Vĩnh An
13 Trần Minh Nghị				
14 Ngô Đại Mỹ				

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÁ CẤP CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN DIỆN TÍCH 175,2HA ÔNG NGUYỄN TÁN LỰC THUÊ CỦA LÂM TRƯỜNG VĨNH AN
Kèm theo Kết luận thanh tra số 04/KL-UBND ngày 25/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Họ và tên	Diện tích (m ²)	Số tờ	Số thửa	Giấy CNQSD đất	Số vào sổ	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Oanh	32,803.0	25	146	AD 623836		Áp 3 - Phú Lý	Vợ ông Việt
2	Thân Thùy Tiên	37,822.0	27	24	V 293669		524 Vĩnh Tiến F6 - Q10 - TPHCM	Trại heo ANCO
3	Tống Mạnh Hùng	21,951.0	28	11			Áp 1 - Phú Lý	
4	Trương Thanh Tùng	14,721.0	28	18	AA 087115		467/E58 Lê Đại Hành F11 - Q11 - TPHCM	
		23,045.0		35				
5	Trương Thị Oanh	6,782.0	29	125		2220	Áp 2 - Phú Lý	
		2,401.0	30	299				
6	Lê Thị Liệu	672.0	29	147		115	Áp 2 - Phú Lý	
7	Nguyễn Thị Tuyết	627.0	29	163		2315	Áp 3 - Phú Lý	
		11,886.0	29	168		875	Áp 2 - Phú Lý	
8	Tô Thị Ngọc Dung	892.0	30	276		2050	Áp 2 - Phú Lý	
		3,376.0		295				
9	Nguyễn Văn Bình	11,212.0	29	93	L 223340		Áp 2 - Phú Lý	
		15,540.0	29	153				
10	Tống Văn Hòa	2,586.0	30	219	AD 011854		Áp 2 - Phú Lý	ONT+BIHK
11	Vũ Thị Vân	7,552.0	30	124	AC 478790		Áp 2 - Phú Lý	
		7,428.0	29	183				
12	Võ Thị Huyền	2,801.0	30	218		80	Áp 2 - Phú Lý	

STT	Họ và tên	Diện tích (m ²)	Số tờ	Số thửa	Giấy CNQSD đất	Số vào sổ	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
13	Phùng Văn Ror	1,807.0	30	196	L 223347		Ấp 2 - Phú Lý	
14	Huyền Văn Tài	1,928.0	30	302	AD 078318		Ấp Lý Lịch 1	
15	Lê Thị Tuyết	3,677.0	30	217		230	Ấp 2 - Phú Lý	
16	Phạm Đức Oanh	7,305.0	30	245		172	Ấp 2 - Phú Lý	BHK
17	Ngô Quý Đoàn	2,832.0	30	247	AC 470830		Ấp 2 - Phú Lý	
18	Nguyễn Văn Như	2,471.0	30	246	AA 087539		Ấp 2 - Phú Lý	
19	Dương Thị Sáu	2,400.0	30	274	K 902802		Ấp 2 - Phú Lý	
20	Vũ Xuân Tình	3,180.0	30	275		226	Ấp 2 - Phú Lý	ONT+LNK
21	Lê Văn Ái	5,879.0	30	291			Ấp 3 - Phú Lý	
22	Trương Thị Thu	2,401.0	30	297	K 900726	2295	Ấp 4 - Phú Lý	ONT+BHK
23	Nguyễn Đại Nghĩa	433.0	30	287			Ấp Lý Lịch 1	
		376.0		288				
24	Phạm Ngọc Khương	4,622.0	30	289		111	Ấp 2 - Phú Lý	Trùng thửa 303
25	Ngô Văn Thủ	2,444.0	30	303	L 223645		Ấp 2 - Phú Lý	Trùng thửa 289
26	Lê Thị Bé Bảy	374	29	1p (291)			Ấp 3 - Phú Lý	LNK
		5,879	30	291	W 697399			LNK
27	Lưu Thị Huệ	200	30				Ấp 2 - Phú Lý	ONT+BHK
		1,096		82				BHK
		1,500		84				TSN
		7,880	29	102			Ấp 2 - Phú Lý	TSN
		1,160		115				TSN
	TỔNG	263,941.0			15	11		